

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1978; thường trú: 90/1 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc Đ1, sinh năm 1975; thường trú: Đường 5, Ấp 2, xã X, huyện X, tỉnh Đ; tạm trú: 90/1 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ nơi làm việc: Số 02, Xóm Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Trương Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà 92, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trương Quốc Đ1 tiến tới hôn nhân năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/06, quyển số 01 ngày 15/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng với ba mẹ chị tại địa chỉ 90/1 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh là người nghiện cờ bạc, cá cược và thậm chí anh Đ1 còn đánh chị. Ngày 14/03/2019 chị D có viết đơn xin ly hôn nhưng anh Đ1 nói cho anh cơ hội để sửa đổi nên chị D đồng ý. Nay anh vẫn tiếp tục cá cược dẫn đến nợ nần và làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ nhỏ, chị D xác định không thể chịu đựng được, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quốc Đ1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trần Thị Mỹ D và anh Trương Quốc Đ1 có 02 người con chung tên Trương Quốc Đ2, sinh ngày 10/01/2008 và Trương Quốc Đ3, sinh ngày 21/4/2014. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh Trương Quốc Đ1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Quốc Đ1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trương Quốc Đ1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/5/2021; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/6/2021 và 25/6/2021 nhưng anh Trương Quốc Đ1 vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh Đ1 cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

- *Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/5/2021, người làm chứng chị Trương Thị L trình bày:*

Chị Trương Thị L là vợ của em trai chị Trần Thị Mỹ D. Từ nhà chị đến nhà của anh Trương Quốc Đ1 và chị Trần Thị Mỹ D khoảng 50 mét. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì chị không biết nhưng chị chứng kiến trực tiếp sự việc anh Đ1 đánh chị D. Năm 2011 anh Trương Quốc Đ1 có quen người phụ nữ khác ở ngoài, chị D với anh Đ1 cãi nhau dẫn đến anh Đ1 có hành vi có đánh chị D nhưng chị D chạy thoát. Sau đó, chồng chị L ngăn cản, gia đình khuyên ngăn chị D nên từ đó chị D quay về tiếp tục sống với anh Đ1. Đến năm 2016 anh Đ1 bức tức, kiếm chuyện đánh chị D bầm tím cả người bởi anh Đ1 đang nợ nần do chơi cờ bạc trên mạng mà chị D mua máy lạnh. Năm 2019, anh Đ1 bắt chị D cầm sổ đỏ trả nợ, ép chị D ly hôn nhưng chị D không đồng ý. Anh Đ1 tính đánh chị D nhưng chị D chạy trốn qua nhà chị, sau đó anh Đ1 xin cho cơ hội, chị D bỏ qua lỗi lầm nên quay về sống chung cho đến nay. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

- Ngày 24/4/2019 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường T, thành phố D, tỉnh B và được cung cấp thông tin như sau: Ngày 11/3/2019, chị Trần Thị Mỹ D có đến Công an phường T trình báo về sự việc phá hại tài sản và cầm cây đánh chị D. Sau đó, Công an đã mời anh chị đến làm việc và hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên, Công an chỉ hòa giải, khuyên ngăn mà không có lập biên bản ghi nhận và không lập hồ sơ xử lý vụ việc nên không thể cung cấp hồ sơ cho Tòa án.

- Quá trình tố tụng, chị Trần Thị Mỹ D có cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận thể hiện nội dung Chi Hội trưởng Chi hội phụ nữ khu phố T, phường T, thành phố D xác nhận: Ngày 06/4/2016 chị Trần Thị Mỹ D có đến Chi Hội trưởng Chi hội phụ nữ khu phố T, phường T, thành phố D để trình báo về sự việc bị anh Trương Quốc Đ1 hành hung, đánh đập. Chi Hội trưởng Chi hội phụ nữ khu phố Tân Long có đến nhà và chứng kiến mặt chị D bị sưng một bên và một con mắt bị bầm, thâm tím.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trương Quốc Đ1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 25/6/2021 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mỹ D và anh Trương Quốc Đ1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trương Quốc Đ1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/06, quyền số 01 ngày 15/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị D trình bày, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh Đ1 người nghiện cờ bạc, cá cược và thậm chí anh Đ1 còn đánh chị. Chị đã nhiều lần tạo cho anh Đ1 cơ hội để thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh Đ1 nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc chị D xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Đ1 cờ bạc, có hành vi bạo hành với chị D. Điều này phù hợp với kết quả xác minh tại Công an

phường T, xác nhận của Chi Hội trưởng Chi hội phụ nữ khu phố T, phường T, lời khai của người làm chứng và lời trình bày của cháu Trương Quốc Đ2. Bản thân anh Đ1, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Đ1 đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh Đ1 có 02 người con chung tên là Trương Quốc Đ2, sinh ngày 10/01/2008 và Trương Quốc Đ3, sinh ngày 21/4/2014. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu anh Trương Quốc Đ1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, cháu Đ2 và cháu Đ3 cần được sống cùng nhau nhằm tránh gây ra sự mất mát, tổn thương thêm về mặt tình cảm mà các cháu phải chịu khi cha mẹ ly hôn, hơn nữa cháu Đ3 hiện còn rất nhỏ, cháu cần được duy trì cuộc sống có sự gần gũi, chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em khi ly hôn cần giao cả hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ2 và cháu Đ3.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Trương Quốc Đ1 vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung và vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn để xem xét. Chị Trần Thị Mỹ D không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng cháu Đ2 và cháu Đ3, đây là ý chí tự nguyện của chị D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trương Quốc Đ1 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/06, quyền số 01 ngày 15/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B).

2. Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ D được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Trương Quốc Đ2, sinh ngày 10/01/2008 và Trương Quốc Đ3, sinh ngày 21/4/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Mỹ D không yêu cầu anh Trương Quốc Đ1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng các con chung.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị Mỹ D và anh Trương Quốc Đ1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049537 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương(1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng